

Báo cáo Thị trường Hồ tiêu

Quý III 2025

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường hồ tiêu trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường hồ tiêu thế giới	04
1. Sản xuất - tiêu thụ	05
2. Xuất khẩu, nhập khẩu	05
3. Diễn biến giá	11
Phần II: Thị trường hồ tiêu Việt Nam	13
1. Nguồn cung	14
2. Nhập khẩu	15
3. Tình hình xuất khẩu	15
4. Diễn biến giá	19
5. Dự báo	20
Phần III: Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành	21
Phần IV: Sự kiện nổi bật trong ngành hồ tiêu	24
Phụ lục	26

Viết tắt, giải nghĩa

ASTA: Hiệp hội Thương mại Gia vị Mỹ

Bulog: Cơ quan Hậu cần quốc gia
Indonesia

Comex Stat: Trung tâm Thống kê Ngoại
thương Nhà nước Brazil

CPSF: Liên đoàn Hồ tiêu và Gia vị
Campuchia

IPC: Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế

IPSTA: Hiệp hội Thương mại Hồ tiêu và
Gia vị Ấn Độ

KPPA: Hiệp hội Xúc tiến Hồ tiêu Kampot

USITC: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

VPSA: Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị
Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Nghiên cứu mới đây của Spglobal cho biết, thương mại gia vị toàn cầu đã trải qua một sự chuyển mình đáng chú ý trong thập kỷ qua, cho thấy quỹ đạo tăng trưởng ấn tượng và nhiều khả năng sẽ tiếp tục trong những năm tới. Khối lượng giao dịch đã tăng 259% trong giai đoạn 2005–2024, và ngành gia vị được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2025–2035.
- Theo số liệu của Comexstat, trong 9 tháng đầu năm, xuất khẩu hồ tiêu Brazil đạt 63.988 tấn, kim ngạch đạt 396,8 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2024 lượng xuất khẩu tăng 29,6%, kim ngạch tăng 92,3%. Dù mới kết thúc tháng 9, nhưng năm 2025 đã trở thành năm xuất khẩu hồ tiêu tốt nhất trong lịch sử của bang Espírito Santo - Brazil.
- Năm 2024, xuất khẩu ròng hồ tiêu của Indonesia đạt 54,38 nghìn tấn. Dự kiến, con số này sẽ giảm trung bình 5,74% mỗi năm trong 5 năm tới.
- Số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) cho thấy, trong 8 tháng đầu năm, Liên minh châu Âu (EU) đã nhập khẩu 89.036 tấn hồ tiêu từ các thị trường ngoài khối, giảm nhẹ 1,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Chủ yếu do nhập khẩu từ Việt Nam, nguồn cung chủ lực, giảm 4,5%, xuống còn 56.989 tấn.
- Giá tiêu của các quốc gia sản xuất hàng đầu đã phục hồi mạnh mẽ trong quý III, sau cú sụt giảm do tác động của thuế quan đối ứng từ Mỹ trong quý II. Trong đó, giá tiêu đen xuất khẩu của Việt Nam ghi nhận mức tăng mạnh nhất, từ 13,8% – 15,3% (tương đương 800 – 900 USD/tấn).
- Theo số liệu từ Cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu quý III đạt 63.242 tấn, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, cơ cấu thị trường xuất khẩu có sự chuyển dịch rõ nét, khi nhu cầu từ Mỹ giảm, nhưng được bù đắp bởi mức tăng trưởng mạnh tại các thị trường chủ lực khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Hà Lan và Philippines.
- Cùng với sự phục hồi của thị trường thế giới, giá tiêu nội địa trong quý III đã tăng tổng cộng 12 – 15,6%. Tuy nhiên, bước sang 20 ngày đầu tháng 10, giá tiêu đã quay đầu giảm 2 – 3,3%, xuống còn 144.000 – 146.000 đồng/kg. Thị trường hiện đang trong giai đoạn chững lại, khi cả bên mua và bên bán đều thăm dò diễn biến tiếp theo.
- VPSEA nhận định, xu hướng tăng giá hồ tiêu trên thị trường thế giới cùng sự phục hồi của nhu cầu tại các thị trường trọng điểm sẽ tiếp tục hỗ trợ xuất khẩu trong những tháng cuối năm. Dù sản lượng có thể không tăng nhiều, nhưng giá bán cao sẽ giúp ngành hồ tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh về giá trị, hướng tới mục tiêu vượt mốc 1,5 tỷ USD trong năm 2025.

Phần I:

Thị trường hồ tiêu thế giới



Giá hồ tiêu toàn cầu đã phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ trở lại trong quý III, sau cú sụt giảm do tác động của thuế quan đối ứng từ Mỹ trong quý II. Trong đó, Việt Nam ghi nhận mức tăng mạnh nhất, từ 13,8% – 15,3% (tương đương 800 – 900 USD/tấn).

1 Sản xuất - Tiêu thụ

Theo báo cáo của Harris Spice, một loạt cơn bão nhiệt đới đã mang theo mưa đến các tỉnh miền Bắc và miền Trung của Việt Nam trong tháng 9 qua. Hiện quá trình đậu quả đang diễn ra tại hầu hết vùng trồng tiêu. Tại khu vực Tây Nguyên, mưa kéo dài khiến hiện tượng ra hoa không đồng đều, đồng thời thúc đẩy sự phát triển thân lá, có thể ảnh hưởng đến năng suất.

Tại Ấn Độ, mưa tiếp tục xuất hiện tại khu vực miền Trung và miền Nam của nước này. Nhiều vùng trồng tiêu ghi nhận mùa mưa kéo dài bất thường trong năm nay, làm gia tăng nguy cơ phát sinh bệnh hại, có thể tác động tiêu cực đến sản lượng vụ tới.

Hoạt động thu hoạch tại Indonesia vẫn đang diễn ra tại các khu vực phía Nam đảo Sumatra. Lượng mưa lớn vào đầu năm đã làm giảm tổng sản lượng vụ này. Tuy nhiên, nhu cầu từ các thương nhân và giới đầu cơ trong nước đã giúp giá giữ ở mức cao. Dự kiến lượng hàng đưa ra thị trường sẽ tăng trong những tuần tới, khi bước vào cao điểm thu hoạch tại Lampung và Nam Sumatra.

Tại Brazil, thu hoạch đang được tiến hành ở khu vực phía Bắc bang Pará. Dù sản lượng được đánh giá khả quan, áp lực bán vẫn ở mức thấp do nông dân và thương nhân có tiềm lực tài chính vững, sẵn sàng giữ hàng chờ giá tốt hơn.

2 Xuất khẩu, nhập khẩu

Nghiên cứu mới đây của S&P Global cho biết, thương mại gia vị toàn cầu đã trải qua một sự chuyển mình đáng chú ý trong thập kỷ qua, cho thấy quỹ đạo tăng trưởng ấn tượng và nhiều khả năng sẽ tiếp tục trong những năm tới. Khối lượng giao dịch đã tăng 259% trong giai đoạn 2005–2024, và ngành gia vị được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2025–2035.

Thương mại gia vị chủ yếu xoay quanh các nhà xuất khẩu và nhập khẩu lớn. Ấn Độ và Trung Quốc đại lục giữ vai trò tiên phong, chiếm tổng cộng 50% xuất khẩu gia vị toàn cầu vào năm 2024. Trong đó, Ấn Độ nổi bật với danh mục xuất khẩu đa dạng như ớt (chi Capsicum) và nghệ, trong khi Trung Quốc dẫn đầu về xuất khẩu gừng.

Mỹ là nhà nhập khẩu lớn nhất, tập trung vào các sản phẩm ớt (Capsicum và Pimenta), gừng và hồ tiêu (chi Piper), khẳng định vị thế quan trọng trong thị trường gia vị toàn cầu.

Gia vị đã được trao đổi suốt hàng ngàn năm, bắt nguồn từ những tuyến thương mại cổ đại như Con đường Tơ lụa. Đến năm 2024, các tuyến giao dịch chính vẫn phản chiếu phần nào lịch sử, trong đó nổi bật là tuyến Ấn Độ – Trung Quốc, Ấn Độ – Bangladesh và Ấn Độ – UAE.

Điểm khác biệt lớn giữa quá khứ và hiện tại là Mỹ trở thành nhà nhập khẩu lớn nhất toàn cầu, với khối lượng nhập khẩu lớn hơn tổng cộng của Bangladesh (thứ ba) và Ấn Độ (thứ tư). Mỹ tập trung nhập khẩu ớt, hồ tiêu và gừng, chiếm hơn một nửa tổng nhập khẩu. Mỹ cũng đứng đầu thế giới về nhập khẩu vani, đinh hương và nhiều loại gia vị khác.

Đại dịch COVID-19 đã tác động rõ rệt đến thương mại gia vị, làm bùng nổ nhu cầu đối với những loại gia vị được cho là có lợi cho sức khỏe. Tiêu thụ gia vị như đinh hương, thảo quả và nghệ tăng mạnh nhờ được gắn với khả năng hỗ trợ hệ miễn dịch. Xu hướng tăng trưởng này tương đồng với các ngành khác, chẳng hạn thiết bị thể thao, cũng ghi nhận nhu cầu bùng nổ trong cùng thời kỳ.

Thương mại gia vị được dự báo tiếp tục xu hướng đi lên, được thúc đẩy bởi nhu cầu gia tăng, một phần đến từ niềm tin vào khả năng tăng cường sức khỏe của gia vị. Các loại gia vị gắn với lợi ích sức khỏe gồm có đinh hương, thảo quả, hạt thìa là, nghệ và quế.

Dù khối lượng thương mại gia vị vẫn thấp hơn nhiều so với muối, giá trị danh nghĩa của thị trường gia vị lại được dự báo gấp bốn lần, phản ánh vai trò đặc biệt quan trọng của chúng trong thương mại toàn cầu.

Thương mại gia vị vừa phản ánh thị hiếu ẩm thực vừa thể hiện một lĩnh vực kinh tế năng động với tiềm năng tăng trưởng lớn. Khi thế giới ngày càng chú trọng sức khỏe, nhu cầu gia vị được dự đoán sẽ tiếp tục tăng, mở ra nhiều cơ hội hấp dẫn cho các bên liên quan trong ngành.

Với Ấn Độ và Trung Quốc dẫn đầu, thương mại gia vị toàn cầu được kỳ vọng sẽ phát triển mạnh mẽ trong những năm tới, tạo cơ hội lớn cho cả nhà xuất khẩu lẫn nhập khẩu.

a. Xuất khẩu



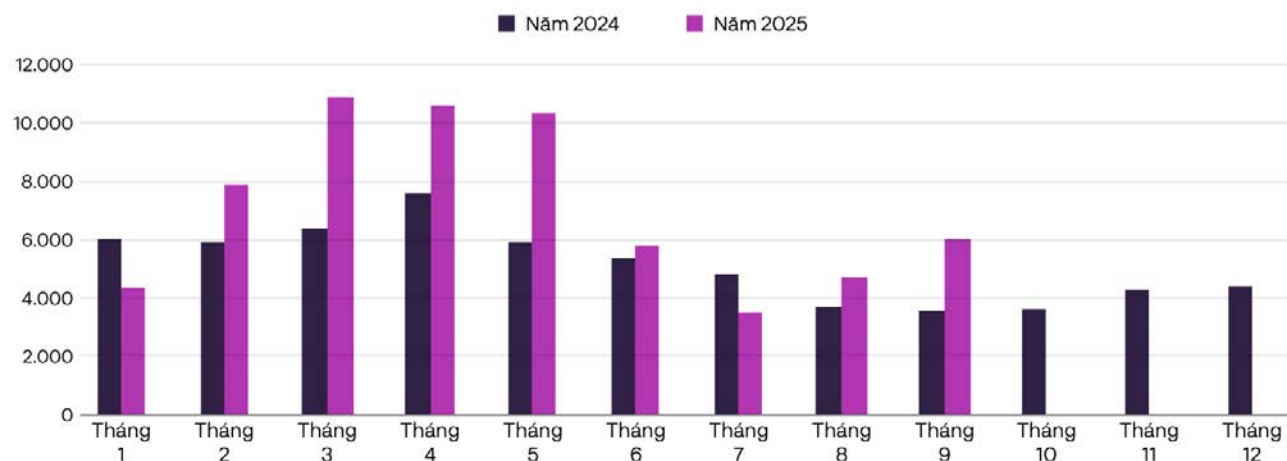
Brazil: Theo số liệu của Comexstat, trong tháng 9, xuất khẩu hồ tiêu Brazil đạt 6.033 tấn, kim ngạch đạt 37,2 triệu USD, so với tháng 8 tăng 27,8% về lượng và 39,8% về kim ngạch, còn so với cùng kỳ năm ngoái tăng tới 64,5% về lượng và 68,2% về kim ngạch.

Trong tháng vừa qua, các thị trường xuất khẩu tiêu hàng đầu của Brazil gồm: U.A.E: 1.110 tấn, tăng 95,8% so với tháng trước, tiếp theo là Morocco: 853 tấn, tăng 353,7%; Senegal: 600 tấn, tăng 84%; Pakistan: 569 tấn, tăng 74,5% và Ai Cập: 489 tấn, tăng 200%.

Đáng chú ý, xuất khẩu sang Việt Nam giảm mạnh 69,3%, chỉ đạt 381 tấn; sang Mỹ cũng giảm 99,8%, xuống còn 0,5 tấn. Sự sụt giảm này chủ yếu là do ảnh hưởng bởi thuế đối ứng 50% của Mỹ lên hàng hóa Brazil. Trong khi đó, Việc Mỹ áp thuế cao đối với hàng chuyển khẩu cũng khiến Việt Nam hạn chế nhập hồ tiêu giá rẻ để tái xuất. Điều này vừa làm chi phí cao hơn vừa phát sinh rủi ro về chứng minh xuất xứ (**Biểu đồ 1**).

Biểu đồ 1: Xuất khẩu tiêu của Brazil năm 2024-2025

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



Lũy tiến từ 01/01 đến 30/9, xuất khẩu hồ tiêu Brazil đạt 63.988 tấn, kim ngạch đạt 396,8 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2024 lượng xuất khẩu tăng 29,6%, kim ngạch tăng 92,3% và so với cùng kỳ năm 2023 lượng xuất khẩu tăng 9,7%, kim ngạch tăng 122,5%.

Giá xuất khẩu bình quân hồ tiêu 9 tháng đạt 6.201 USD/tấn, tăng 48,4% so với cùng kỳ năm 2024 và tăng 102,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Các thị trường xuất khẩu chính của hồ tiêu Brazil 9 tháng bao gồm: Việt Nam đạt 19.350 tấn, tăng 179,4% chiếm 30,2% thị phần. Tiếp theo là U.A.E đạt 6.487 tấn, tăng 6,5% và chiếm 10,1% thị phần; Ấn Độ đạt 5.727 tấn tăng 6,7%; Senegal đạt 4.866 tấn tăng 12,3% và Morocco đạt 4.775 tấn tăng 23,8%.

Theo tờ Agazeta, dù mới kết thúc tháng 9, nhưng năm 2025 đã trở thành năm xuất khẩu hồ tiêu tốt nhất trong lịch sử của bang Espírito Santo - Brazil.

Từ tháng 1 đến tháng 9, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của bang đạt 269,3 triệu USD, vượt xa con số 163,1 triệu USD của cả năm 2024. Năm xuất khẩu tốt nhất trong lịch sử trước đó là 2022, khi các nhà sản xuất của Espírito Santo thu về 181,9 triệu USD ngoại tệ.

Kết quả khả quan này đến từ hai nguyên nhân cơ bản, đó là sản lượng hồ tiêu của Espírito Santo tăng và giá tiêu trên thị trường quốc tế duy trì ở mức cao.

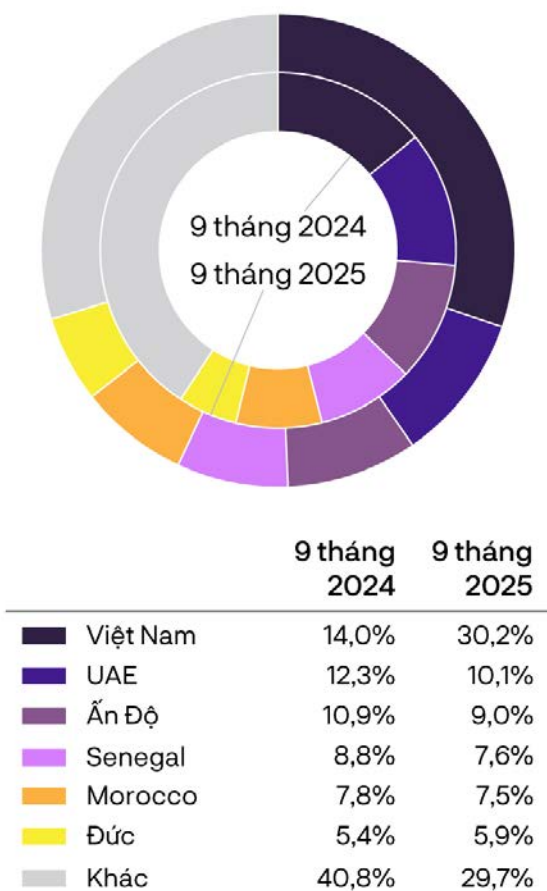
Năm 2022, để đạt doanh thu 181,9 triệu USD, bang Espírito Santo đã phải xuất khẩu 51.500 tấn hồ tiêu. Trong khi đó, năm 2025 chỉ cần 43.742 tấn đã mang về 269,3 triệu USD. Nếu xu hướng này tiếp tục đến cuối năm, Espírito Santo sẽ lập kỷ lục mới cả về giá trị lẫn sản lượng xuất khẩu.

Cơ quan Nông nghiệp của bang cho biết, sản lượng hồ tiêu của Espírito Santo đã tăng gấp 10 lần trong 10 năm qua, từ hơn 7.000 tấn lên gần 80.000 tấn, chiếm khoảng 65% sản lượng hồ tiêu cả nước. Mức tăng trưởng được đánh giá là chưa từng có trong ngành hồ tiêu, không chỉ ở Brazil mà còn trên toàn thế giới.

Bước phát triển tiếp theo của bang là nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm. Hiện phần lớn hồ tiêu xuất khẩu vẫn được bán thô sang các nước như Việt Nam, nơi thực hiện quy trình tiệt trùng và chế biến công nghiệp. Các thị trường lớn trên thế giới, đặc biệt là Mỹ, chỉ nhập khẩu sau khi hồ tiêu đã qua các công đoạn này **(Biểu đồ 2)**.

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu tiêu của Brazil trong 9 tháng đầu năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



 **Indonesia:** Xuất khẩu hồ tiêu tháng 8 của Indonesia đạt 2.265 tấn, tăng 17,4% so với tháng trước, nhưng vẫn giảm mạnh 46,6% so với cùng kỳ năm ngoái, theo Cơ quan Thống kê Indonesia (BPS).

Tính từ đầu năm đến hết tháng 8, xuất khẩu tiêu của Indonesia đạt 24.721 tấn, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Việt Nam đứng đầu về khối lượng nhập khẩu với 5.402 tấn, chiếm 21,9% thị phần và giảm 2,1%. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 4.072 tấn, giảm 20,1% và chiếm 16,5%; Mỹ: 3.670 tấn, giảm 13,4% và chiếm 14,8%; Ấn Độ: 2.849 tấn, giảm 4,1% và chiếm 11,5%.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Indonesia, sản lượng hồ tiêu của Indonesia năm 2024 theo ước tính sơ bộ đạt 62,63 nghìn tấn, chủ yếu đến từ quần đảo Bangka Belitung và tỉnh Lampung, với tỷ lệ đóng góp trung bình trong 5 năm gần nhất lần lượt là 31,29% và 20,71%, trong khi các tỉnh khác chỉ chiếm dưới 10%.

Năm 2025, sản lượng được dự báo đạt 63,46 nghìn tấn. Tuy nhiên, sản lượng này được ước tính sẽ tiếp tục giảm dần, còn khoảng 60,43 nghìn tấn vào năm 2028. Tốc độ giảm trung bình của sản lượng hồ tiêu trong 5 năm tới (2024–2028) được dự báo là 0,88% mỗi năm.

Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ hồ tiêu nội địa Indonesia năm 2024 ước tính khoảng 8,25 nghìn tấn và sẽ tăng bình quân 26,09% mỗi năm trong 5 năm tới. Năm 2025, nhu cầu hồ tiêu trong nước được dự báo đạt 14,24 nghìn tấn.

Mặc dù tốc độ tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ hồ tiêu trong nước cao hơn so với sản lượng, nhưng trong 5 năm tới, Indonesia vẫn được dự báo duy trì thặng dư hồ tiêu, thể hiện qua việc xuất khẩu ròng vẫn duy trì ở mức cao.

Năm 2024, xuất khẩu ròng hồ tiêu của Indonesia đạt 54,38 nghìn tấn. Dự kiến, con số này sẽ giảm trung bình 5,74% mỗi năm trong 5 năm tới. Năm 2025, xuất khẩu ròng dự báo giảm xuống còn 49,22 nghìn tấn; năm 2026 tiếp tục giảm còn 41,89 nghìn tấn; năm 2027 tăng trở lại lên 44,48 nghìn tấn; và đến năm 2028 giảm nhẹ còn 42,35 nghìn tấn.

Sản lượng hồ tiêu cao giúp Indonesia giữ vị trí thứ ba thế giới về sản xuất và xuất khẩu hồ tiêu. Đặc biệt, hồ tiêu trắng Muntok của Indonesia đã nổi tiếng toàn cầu nhờ chất lượng và hương vị đặc trưng. Trên thị trường quốc tế, các thị trường xuất khẩu chính của hồ tiêu Indonesia bao gồm Việt Nam, Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Đức, Nhật Bản và Hà Lan.



Malaysia: Bộ trưởng Đồn điền và Hàng hóa Malaysia cho biết ngành hồ tiêu Malaysia có tiềm năng to lớn để trở thành động lực tăng trưởng kinh tế mới, không chỉ thông qua xuất khẩu truyền thống mà còn trong lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm dược cũng như các sản phẩm giá trị gia tăng như chống lão hóa và chống tiểu đường.

Đồng thời khẳng định ngành cần chuyển dịch từ xuất khẩu thô sang phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao thông qua hợp tác chặt chẽ với các viện nghiên cứu.

Trong giai đoạn từ năm 2021 đến tháng 7/2025, xuất khẩu hồ tiêu của Malaysia đạt 28.564 tấn, với trị giá 778,61 triệu RM, đóng góp cho GDP khoảng 10,02 tỷ RM. Dự kiến đến cuối năm 2025, sản lượng hồ tiêu trong nước sẽ đạt 35.000 tấn, mang lại lợi ích cho hơn 39.366 hộ nông dân trên cả nước, với tổng diện tích trồng đạt 8.279 ha.

Cùng với sự phát triển đó, MPB đang tích cực thúc đẩy quá trình chuyển đổi ngành thông qua việc áp dụng các công nghệ hiện đại như

hệ thống tưới nhỏ giọt (fertigasi), IoT, máy bay không người lái (drone) và công nghệ hyperspectral. Đồng thời, các ứng dụng số như LadaGo, Dr.Lada và NutriLada giúp nông dân quản lý vườn tiêu hiệu quả hơn.

Những nỗ lực này, kết hợp với chứng nhận MyGAP và MyOrganik, mở ra cánh cửa rộng hơn cho việc tiếp cận các thị trường cao cấp, qua đó củng cố vị thế của Malaysia như một quốc gia sản xuất hồ tiêu chất lượng cao trên trường quốc tế.

b. Nhập khẩu

 **EU:** Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong 8 tháng đầu năm, Liên minh châu Âu (EU) đã nhập khẩu 89.036 tấn hồ tiêu từ các thị trường ngoài khối,

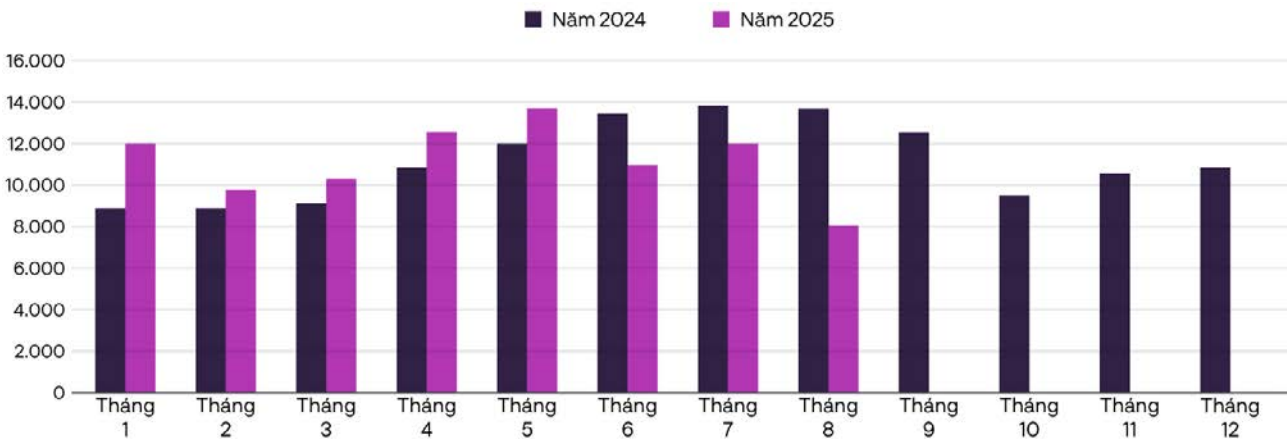
với trị giá 617,9 triệu EUR. So với cùng kỳ năm trước, lượng nhập khẩu giảm nhẹ 1,1%, nhưng giá trị tăng mạnh 42,6%, phản ánh xu hướng giá hồ tiêu tăng trên thị trường quốc tế.

Việt Nam tiếp tục là nguồn cung hồ tiêu ngoài khối lớn nhất cho EU, chiếm 64% tổng lượng nhập khẩu, tương đương 56.989 tấn, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ hai là Brazil với 14.726 tấn, chiếm 16,5% và tăng 5,1%, tiếp theo là Indonesia với 6.484 tấn, chiếm 7,3% và tăng 10,7%; Ấn Độ đạt 4.124 tấn, chiếm 4,6% và giảm 9,8%.

Đáng chú ý, nhập khẩu hồ tiêu của EU từ Sri Lanka và Campuchia ghi nhận mức tăng đột biến, lần lượt 98% và 94,4%, đạt 1.310 tấn và 1.236 tấn **(Biểu đồ 3, 4)**.

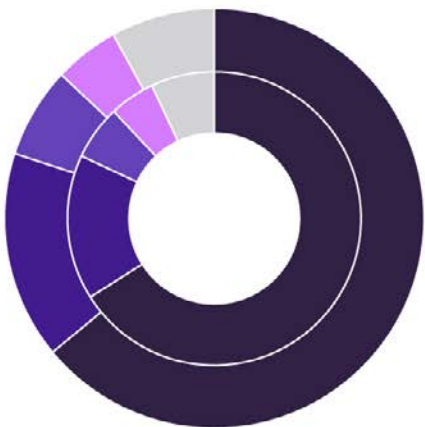
Biểu đồ 3: Nhập khẩu tiêu của EU qua các tháng năm 2024-2025

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Eurostat.



Biểu đồ 4: Cơ cấu nguồn cung hồ tiêu cho thị trường EU 8 tháng năm 2024 và 8 tháng năm 2025

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ Eurostat.



	8 tháng 2024 (vòng trong)	8 tháng 2025 (vòng ngoài)
Việt Nam	66%	64%
Brazil	16%	16%
Indonesia	6%	7%
Ấn Độ	5%	5%
Khác	7%	8%

Ngành công nghiệp tiêu đen tại EU được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng bền vững, với quy mô thị trường dự kiến tăng từ 426,4 triệu USD năm 2025 lên 714,7 triệu USD vào năm 2035, đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) 5,3%.

Theo dữ liệu từ Future Market Insights (FMI) — tổ chức chuyên về nguồn cung nguyên liệu toàn cầu và đổi mới trong ngành thực phẩm — xu hướng tăng trưởng này phản ánh sự kết hợp của nhiều yếu tố thúc đẩy thị trường, bao gồm sự thay đổi trong xu hướng ẩm thực, sự mở rộng của ngành chế biến thực phẩm và nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng đối với các loại gia vị nguyên chất, phục vụ cả nấu ăn tại gia và lĩnh vực dịch vụ ẩm thực chuyên nghiệp.

Phân khúc tiêu nguyên hạt tiếp tục giữ vị thế chủ đạo với 63% thị phần vào năm 2025, mặc dù được dự báo sẽ giảm nhẹ còn 60% vào năm 2035 khi các sản phẩm tiêu xay và tiêu nghiền ngày càng được ưa chuộng bởi nhóm người tiêu dùng tìm kiếm sự tiện lợi, cũng như các nhà sản xuất công nghiệp muốn sử dụng dạng tiêu sẵn sàng chế biến.

Trong giai đoạn 2020–2025, doanh số hồ tiêu đen tại EU đã tăng ổn định với CAGR 4,9%, từ 335,7 triệu USD lên 426,4 triệu USD. Giai đoạn nền tảng này được thúc đẩy bởi sự phục hồi nhu cầu trong ngành dịch vụ ăn uống sau đại dịch, xu hướng nấu ăn tại nhà, và nhận thức ngày càng cao của người tiêu dùng về chất lượng và nguồn gốc gia vị. Ngành cũng được hưởng lợi từ sự ổn định của chuỗi cung ứng, hạ tầng logistics được cải thiện, cùng chiến lược đa dạng hóa nguồn cung, giúp giảm phụ thuộc vào một số khu vực sản xuất nhất định, đồng thời đảm bảo chất lượng và nguồn cung ổn định trên toàn thị trường châu Âu.



Trung Quốc: Theo số liệu của Hải quan Trung Quốc, trong 8 tháng đầu năm, Trung Quốc nhập khẩu tổng cộng 6.390 tấn hồ tiêu các loại, trị giá 43,4 triệu USD, giảm 14,6% về lượng nhưng tăng 19,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Xét theo nguồn cung, Indonesia vẫn là nhà cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho Trung Quốc với 3.174 tấn, giảm 27,9%, chiếm 49,7% thị phần, thấp hơn đáng kể so với 58,8% cùng kỳ năm trước.

Ngược lại, Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, với 2.572 tấn hồ tiêu được xuất sang Trung Quốc, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhờ đó, thị phần hồ tiêu Việt Nam tại thị trường này tăng mạnh từ 31,1% lên 40,2%.

Ngoài ra, nhập khẩu từ Brazil đạt 437 tấn, tăng 93,6%, chiếm 6,8% thị phần; trong khi Malaysia đạt 119 tấn, giảm 61,8%, chỉ còn 1,9% thị phần.

Giá tiêu xuất khẩu bình quân của Việt Nam vào Trung Quốc lên tới 7.212 USD/tấn, tăng 51,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời cao hơn đáng kể so với mức giá bình quân 6.363 USD/tấn (tăng 37,7%) của Indonesia và mức 4.375 USD/tấn (tăng 30,2%) của Brazil.



Ấn Độ: Tờ Telegraphindia cho biết, các bang miền Nam Ấn Độ đang chịu sức ép nặng nề từ thuế quan đối ứng 50% của Mỹ, bao gồm các ngành thủy sản, dệt may, da giày, ô tô và máy móc. Ngành buôn bán gia vị, vốn gắn liền với bang Kerala trong nhiều thế kỷ, cũng đang gặp khó khăn.

Hơn 80% lượng hồ tiêu xuất khẩu của Ấn Độ có nguồn gốc từ Kerala, cùng với các loại gia vị khác như bạch đậu khấu, gừng, tinh dầu và oleoresin.

Bộ trưởng Tài chính Kerala, ông KNBalagopal cho biết Mỹ nhập khẩu sản phẩm gia vị trị giá

hơn 700 triệu USD mỗi năm.

“Tuy nhiên, mức thuế có thể tăng dần lên tới 50% đang đe dọa xóa bỏ lợi thế cạnh tranh của Kerala. Các nhà xuất khẩu báo cáo đơn hàng đã giảm 6% kể từ khi Mỹ áp thuế, trong khi các đối thủ như Việt Nam và Indonesia đang nhắm đến việc chiếm thị phần lớn hơn,” ông nói.

Ông Balagopal đề xuất một số biện pháp ngắn hạn, bao gồm cho vay vốn lưu động ưu đãi cho doanh nghiệp xuất khẩu, hoàn thuế IGST nhanh hơn, trợ cấp năng lượng và các gói hỗ trợ tạm thời cho người lao động bị ảnh hưởng.

Về dài hạn, chính phủ đặt mục tiêu đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chuyển từ thanh toán thương mại bằng đô la sang đồng rupee, nâng cao năng lực phân tích thị trường, hỗ trợ xây dựng thương hiệu, tăng cường sức mạnh thương lượng tập thể và mở rộng các trung tâm xúc tiến thương mại ngoài thị trường Mỹ.

Bang cũng có kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. “Những giải pháp này sẽ cần sự hỗ trợ toàn diện từ chính phủ trung ương,” ông Balagopal nhấn mạnh, đồng thời cho biết Kerala đã nêu vấn đề với Bộ trưởng Tài chính Liên bang và gửi khuyến nghị lên Ủy ban Tài chính lần thứ 16.

3 Diễn biến giá

Theo dữ liệu từ Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC), giá tiêu của các quốc gia sản xuất hàng đầu đã phục hồi mạnh mẽ trong quý III, sau cú sụt giảm do tác động của thuế quan đối ứng từ Mỹ trong quý II.

Trong đó, Việt Nam ghi nhận mức tăng mạnh nhất, từ 13,8% – 15,3% (tương đương 800 – 900 USD/tấn), đưa giá xuất khẩu tiêu đen loại 500 g/l và 550 g/l lên mức 6.600 – 6.800 USD/tấn.

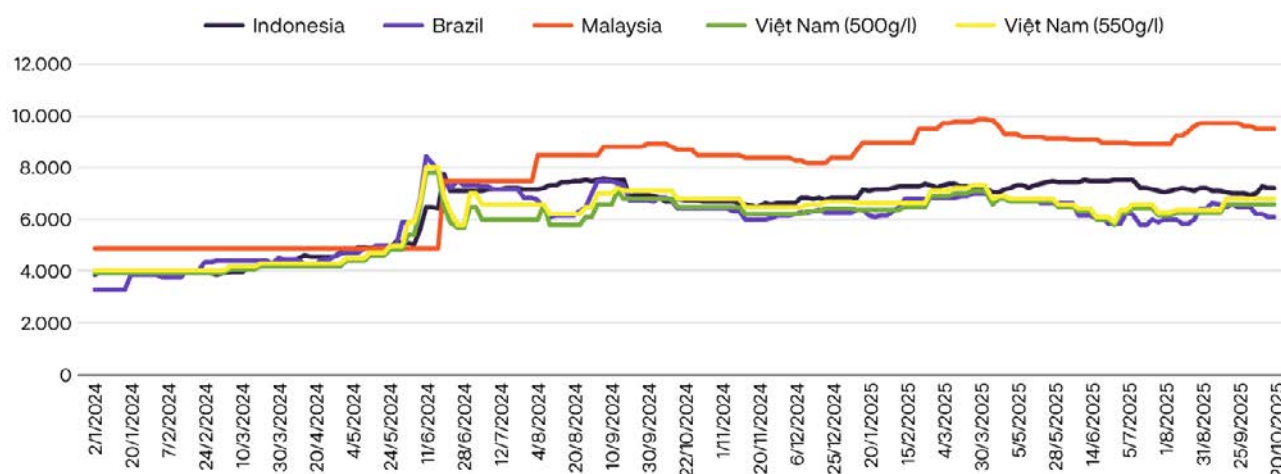
Tiếp đến là Brazil, với giá tiêu đen ASTA 570 tăng 11,1% (650 USD/tấn) trong quý III, đạt 6.600 USD/tấn. Ngoài ra, Malaysia ghi nhận mức tăng 6,7% (tương đương 600 USD/tấn), đưa giá tiêu đen ASTA lên 9.600 USD/tấn.

Trong số các thị trường lớn, chỉ có duy nhất Indonesia ghi nhận mức giá giảm mạnh 7,2% (544 USD/tấn, còn 6.984 USD/tấn).

Tuy nhiên, trong 20 ngày đầu tháng 10, giá tiêu của Indonesia đã tăng trở lại 3,5%, lên 7.227 USD/tấn. Ngược lại, tiêu đen của Việt Nam giảm 3%, còn 6.400 – 6.600 USD/tấn; Malaysia giảm 1%, xuống 9.500 USD/tấn; đặc biệt, Brazil giảm mạnh nhất 6,2%, còn 6.100 USD/tấn (**Biểu đồ 5**).

Biểu đồ 5: Diễn biến giá tiêu đen thế giới từ đầu năm 2024 đến ngày 20/10/2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.



Cùng thời điểm khảo sát, giá tiêu trắng Muntok của Indonesia giảm 2,7% trong quý III, nhưng tăng 1,9% trong 20 ngày đầu tháng 10, hiện đang được giao dịch ở mức 10.085 USD/tấn.

Giá tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam tăng 5,1% (450 USD/tấn) trong quý III và sau đó giảm 2,2% (200 USD/tấn) trong 20 ngày đầu tháng 10, đạt 9.05 USD/tấn.

Trong khi đó, giá tiêu trắng xuất khẩu Malaysia ASTA tăng 10,6% (1.250 USD/tấn) trong tháng III nhưng giảm 3,8% (500 USD/tấn) trong 20 ngày đầu tháng 10, đạt 12.500 USD/tấn.

Trong ngắn hạn, giá tiêu nhiều khả năng sẽ dao động trong biên độ hẹp. Nguồn cung từ vụ thu hoạch mới tại Indonesia

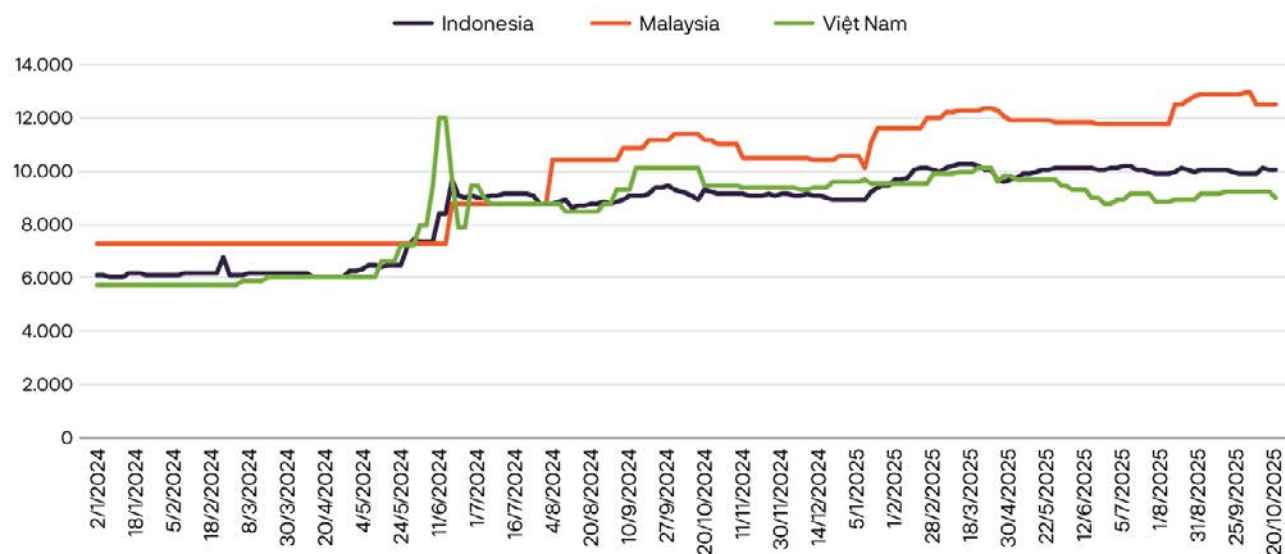
và miền Bắc Brazil sẽ giúp ổn định thị trường, hạn chế các đợt tăng giá đột biến.

Ngoài ra, lượng hàng tồn tại Việt Nam và Brazil góp phần duy trì sự ổn định. Một số thương nhân tại Việt Nam có thể bán tiêu để chuyển sang giao dịch cà phê, tạo ra áp lực giảm giá.

Về dài hạn, triển vọng sản xuất vụ tới tại Việt Nam và Brazil vẫn chưa rõ ràng. Thêm vào đó, yếu tố bất định từ phía nguồn cung còn tồn tại, đặc biệt là tác động của thuế nhập khẩu từ Mỹ. Xét đến những biến động cả về cung lẫn cầu, khả năng dao động giá sẽ tiếp diễn, và sự bất ổn nguồn cung có thể tạo ra xu hướng tăng giá (**Biểu đồ 6**). ■

Biểu đồ 6: Diễn biến giá tiêu trắng thế giới qua từ đầu năm 2024 đến ngày 20/10/2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.



Phần II:

Thị trường hồ tiêu Việt Nam



Thị trường tiêu nội địa cũng khởi sắc trở lại trong quý III, với giá thu mua tăng 12 – 15,6% so với quý trước. Trong khi đó, xuất khẩu hồ tiêu quý III đạt 63.242 tấn, trị giá 417,7 triệu USD, tăng 8,5% về lượng và 17,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, cơ cấu thị trường xuất khẩu có sự chuyển dịch rõ nét, khi nhu cầu từ Mỹ giảm, nhưng được bù đắp bởi mức tăng trưởng mạnh tại các thị trường chủ lực khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Hà Lan và Philippines.

1 Nguồn cung

Trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp và biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, việc duy trì năng suất, chất lượng hồ tiêu đang trở thành bài toán nếu không có giải pháp đầu tư bài bản cho cây giống, theo TTXVN.

TS. Phan Việt Hà, Phó Viện trưởng phụ trách Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI) cho biết, hiện nay vấn đề giống hồ tiêu đang gặp rất nhiều khó khăn. Nhu cầu về giống phục vụ trồng mới, tái canh và phục hồi vườn tiêu là rất lớn, nhưng nguồn cung giống chủ yếu vẫn đến từ các vườn ươm nhỏ lẻ, không có nguồn gốc rõ ràng, chưa được kiểm định chất lượng. Điều này dẫn đến tình trạng giống trôi nổi tràn lan trên thị trường, gây rủi ro cao cho người trồng.

Chuyên gia hồ tiêu ở Gia Lai, ông Hoàng Phước Bính nhận định thêm, công tác quản lý giống hồ tiêu hiện nay chưa được kiểm soát chặt chẽ. Người dân thường mua giống thông qua các kênh quảng cáo không chính thống, nhiều giống được lựa chọn một cách cảm tính, không dựa trên cơ sở khoa học hay kết quả

khảo nghiệm. Hệ quả là nhiều vườn tiêu trồng mới không đạt năng suất như kỳ vọng, thậm chí bị dịch bệnh tấn công ngay trong những năm đầu canh tác.

Lý giải vì sao dù là mặt hàng xuất khẩu tỷ đô nhưng giống hồ tiêu chất lượng vẫn khan hiếm, ông Nguyễn Quang Ngọc, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây Hồ tiêu cho biết, hồ tiêu là cây công nghiệp lâu năm nên việc chọn tạo giống không thể thực hiện trong thời gian ngắn.

Hiện Trung tâm đã lai tạo được một số giống tiêu triển vọng, cả giống nội địa lẫn giống nhập ngoại. Tuy nhiên, tất cả vẫn đang trong giai đoạn khảo nghiệm, chưa có giống nào đủ điều kiện công bố ra thị trường. Một giống mới đã được trung tâm nộp hồ sơ lên Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để đăng ký bảo hộ giống cây trồng, dự kiến sẽ được công nhận vào năm 2026 và có thể thương mại hóa.

Song song với nghiên cứu giống, WASI cũng đang triển khai nhiều giải pháp canh tác tiêu theo hướng bền vững. Trong đó, mô hình sử dụng trụ sống thay cho trụ bê tông đã cho thấy hiệu quả rõ rệt về cả kinh tế và môi trường. Nghiên cứu cho thấy trụ sống giúp tăng tuổi thọ vườn tiêu từ 20–50%, giảm chi phí đầu tư ban đầu, ổn định năng suất và góp phần bảo vệ hệ sinh thái đất.

Một số mô hình canh tác kết hợp hồ tiêu với cây ăn trái như bơ, sầu riêng cũng đã mang lại kết quả tích cực. Các mô hình này giúp cải thiện tiểu khí hậu vườn, tăng độ ẩm, giảm rụng giá, tăng tỷ lệ đậu quả và giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Đồng thời, đây cũng là hướng đi quan trọng trong việc giảm phát thải khí nhà kính, tăng hấp thu CO₂ và cải thiện độ hữu cơ trong đất.

2 Nhập khẩu

Theo thống kê sơ bộ của VPSPA, Việt Nam đã nhập khẩu tổng cộng 7.816 tấn hồ tiêu các loại trong quý III, giảm 58% so với quý II nhưng vẫn tăng 35,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính chung 9 tháng đầu năm, nhập khẩu tiêu của Việt Nam đạt 36.112 tấn với kim ngạch 225,7 triệu USD, trong đó tiêu đen đạt 30.728 tấn, tiêu trắng đạt 5.384 tấn, tăng mạnh 51,9% về lượng và 121,1% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2024.

Olam, Trn Châu và Nedspice Việt Nam là 3 doanh nghiệp nhập khẩu lớn nhất lần lượt đạt 8.372 tấn, 2.823 tấn và 2.518 tấn.

Về thị trường, Brazil là quốc gia cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho Việt Nam trong 9 tháng đầu năm, chiếm 49,4% thị phần đạt 17.835 tấn, tăng 109,5% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Campuchia: 9.270 tấn, chiếm 25,7% và tăng 39,4%; Indonesia: 6.624 tấn, chiếm 18,3% và tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái (Bảng 1).

3 Tình hình xuất khẩu

Theo số liệu từ Cục Hải quan, trong tháng 9, Việt Nam xuất khẩu 20.405 tấn hồ tiêu các loại, trị giá 136 triệu USD, giảm 4,9% về lượng và 3,1% về trị giá so với tháng trước, còn so với cùng kỳ năm 2024 tăng 19,3% về lượng và 23,2% về trị giá.

Tính chung trong quý III, xuất khẩu hồ tiêu đạt 63.242 tấn, trị giá 417,7 triệu USD, giảm 16,8% về lượng và 20,2% về trị giá so với quý II. Dù vậy, so với quý III/2024, con số này vẫn tăng 8,5% về lượng và 17,1% về trị giá.

Lũy kế trong 9 tháng đầu năm, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đạt 186.503 tấn, giảm 7,1% về lượng nhưng giá trị kim ngạch thu về đạt 1,27 tỷ USD, gần bằng kim ngạch cả năm 2024 và tăng gần 28% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này cho thấy giá tiêu xuất khẩu tăng mạnh đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng giá trị của toàn ngành (Biểu đồ 7).

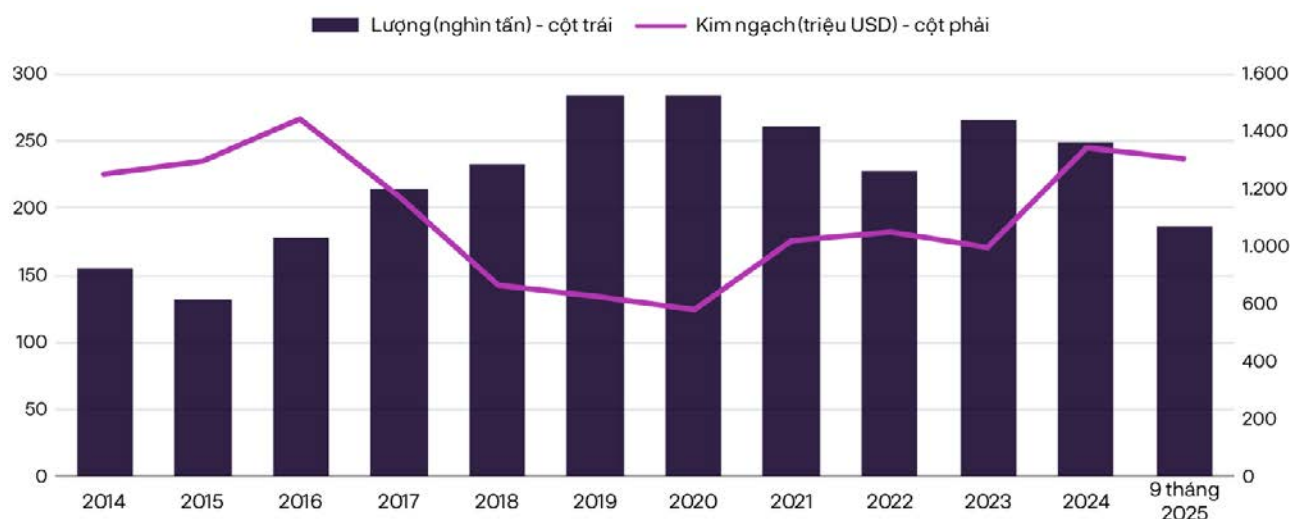
Bảng 1: Nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam từ các nguồn cung chính trong quý III và 9 tháng đầu năm 2025

Nguồn: Số liệu từ VPSPA.

Nguồn cung	Quý III/2025 (tấn)	So với quý II/2025 (%)	So với quý III/2024 (%)	9 tháng đầu năm 2025 (tấn)	So với 9 tháng năm 2024 (%)	Thị phần (%)
Tổng	7.816	▼ 58,0	▲ 35,3	36.112	▲ 51,9	100,0
Brazil	2.931	▼ 72,2	▲ 130,6	17.835	▲ 109,5	49,4
Campuchia	3.013	▼ 45,4	▲ 586,3	9.270	▲ 39,4	25,7
Indonesia	1.050	▼ 43,8	▼ 68,4	6.624	▲ 4,9	18,3
Việt Nam	566	▲ 43,3	▲ 180,2	1.510	▲ 126,7	4,2
Malaysia	112	▲ 77,8	▼ 48,9	294	▼ 24,0	0,8
Trung Quốc	91	▲ 75,0	▲ 116,7	251	▼ 11,3	0,7
Ấn Độ	16	▼ 68,6	▼ 11,1	90	▲ 42,9	0,2
Madagascar				40	▲ 100,0	0,1
Đài Loan				40	▲ 400,0	0,1
Sri Lanka				30	▲ 100,0	0,1
Khác	37	▼ 24,5	▼ 84,8	128	▼ 85,4	0,4

Biểu đồ 7: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam giai đoạn năm 2014-2024 và 9 tháng đầu năm 2025

Nguồn: Hải quan Việt Nam.



Giá tiêu xuất khẩu bình quân quý III đạt 6.605 USD/tấn, giảm 4,1% so với quý II và tăng 7,9% so với quý III/2024. Tính chung 9 tháng đầu năm, giá xuất khẩu bình quân hồ tiêu đạt 6.787 USD/tấn, tăng 37,6% so với cùng kỳ năm 2024 (**Biểu đồ 8**).

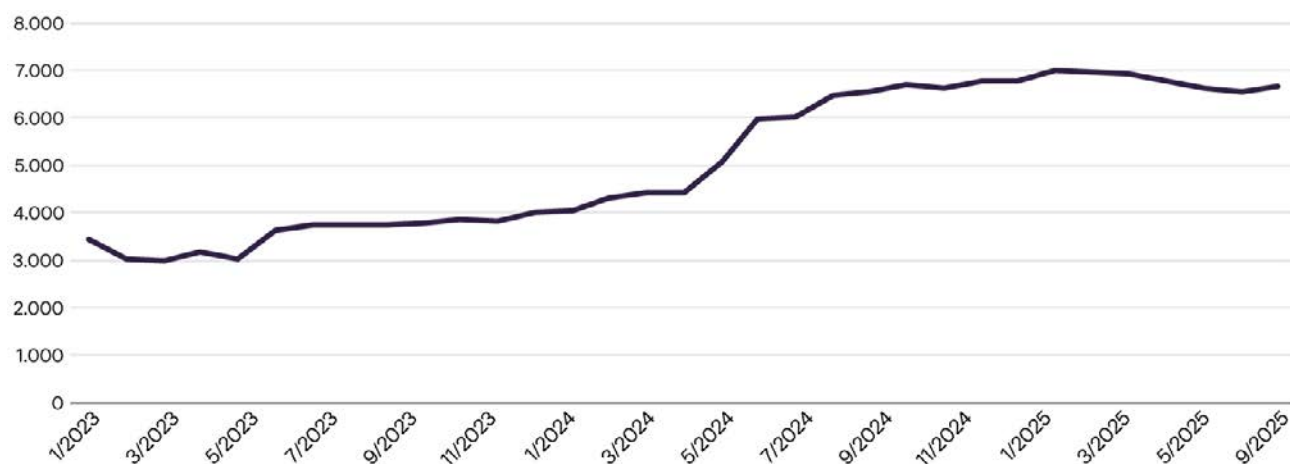
Bức tranh “giảm lượng nhưng tăng giá trị” cho thấy phần nào những nỗ lực mạnh mẽ của doanh nghiệp trong việc thay đổi chiến lược: tập trung vào chế biến sâu, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, thay vì chỉ dựa vào xuất khẩu thô.

Nếu trước đây hồ tiêu Việt Nam chủ yếu xuất thô, phụ thuộc giá cả quốc tế, thì nay tỷ trọng tiêu trắng, tiêu xay, tiêu hữu cơ, tiêu đóng gói đã tăng đáng kể. Những mặt hàng này thường có giá bán cao hơn từ 20 - 40% so với tiêu đen thô, thậm chí gấp đôi khi đạt chuẩn hữu cơ hoặc tiêu chuẩn bền vững quốc tế.

Tính đến hết quý III, tiêu đen nguyên hạt vẫn là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất của nước ta, nhưng tỷ trọng đã giảm xuống còn 70,1% từ mức 73,6% của cùng kỳ. Ngược lại, tỷ trọng xuất khẩu tiêu đen xay, tiêu trắng xay, hay tiêu trắng nguyên hạt lại đang có xu hướng tăng lên (Biểu đồ 9**).**

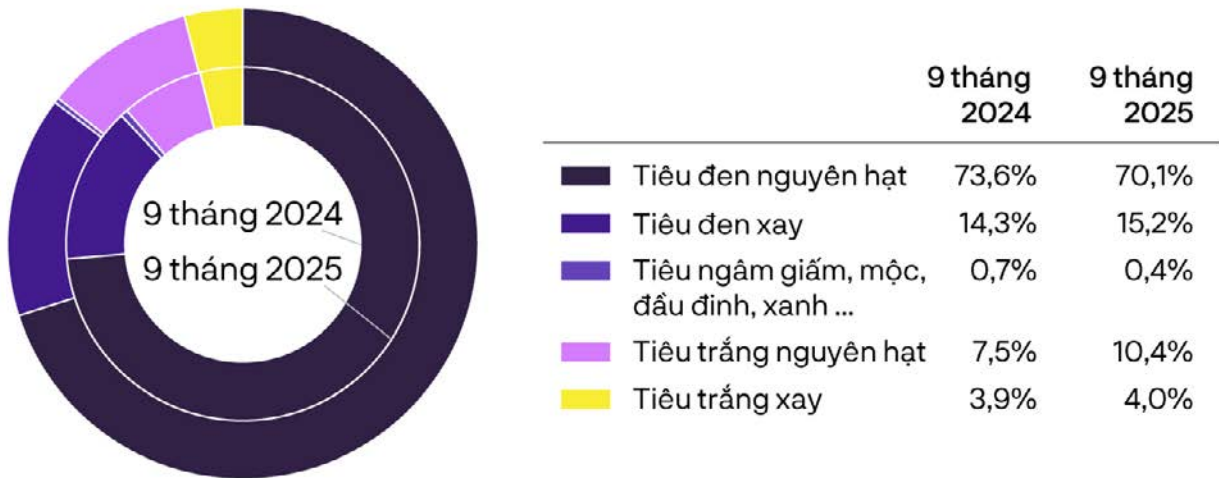
Biểu đồ 8: Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam năm 2023 – 2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Hải quan Việt Nam.



Biểu đồ 9: Cơ cấu chủng loại hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam tính theo lượng trong 9 tháng đầu năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025

% theo khối lượng. Nguồn: Số liệu tổng hợp từ VPSA.



Trong quý III/2025, lượng hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ chỉ đạt 12.862 tấn, giảm mạnh 38,1% so với cùng kỳ năm trước. Tương tự, thị trường Đức giảm 4,9%, UAE giảm 21,8%. Ngược lại, nhiều thị trường khác ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng như: Trung Quốc tăng gấp 4,3 lần, Ấn Độ tăng 19,1%, Hà Lan tăng 49,5%, Philippines tăng 55,3%, và Anh tăng 26,3%.

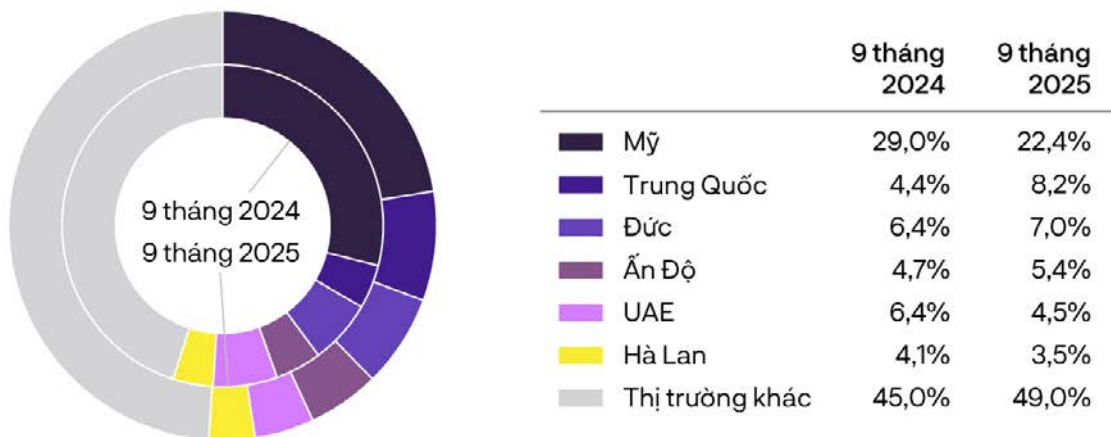
Diễn biến này cho thấy cơ cấu thị trường xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đang chuyển dịch sau khi Mỹ áp thuế đối ứng 20% đối với hàng hóa Việt Nam.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam với khối lượng đạt 41.806 tấn, trị giá 312,3 triệu USD, giảm 28,2% về lượng, nhưng tăng 4,3% về trị giá. Thị trường này chiếm 22,4% tổng lượng xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam, giảm so với mức 28,9% của cùng kỳ năm 2024 (**Biểu đồ 10**).

Lượng hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam sang nhiều thị trường khác như: Hà Lan, Philippines, Nga, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ, Canada... cũng giảm về lượng, nhưng đều tăng về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Biểu đồ 10: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025

% theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ VPSA và Cục Hải quan Việt Nam.



Trong khi đó, xuất khẩu sang một số thị trường lớn như Trung Quốc, Đức, Ấn Độ lại tăng cả lượng và trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Đặc biệt là thị trường Trung Quốc tăng mạnh 73,3% về lượng và 203% về trị giá, đạt 15.353 tấn,

trị giá 76,3 triệu USD. Với kết quả này, Trung Quốc hiện đang đứng thứ hai về thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam, với thị phần tăng từ 4,4% lên 8,2% **(Bảng 2)**.

Bảng 2: Một số thị trường xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu của Việt Nam trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam và VPSA.

Thị trường	Quý III/2025		So với quý II/2025		So với quý III/2024		9 tháng năm 2025		So với 9 tháng năm 2024	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	63.242	417.736	▼ 16,8	▼ 20,2	▲ 8,5	▲ 17,1	186.503	1.265.834	▼ 7,1	▲ 27,8
Mỹ	12.862	92.214	▼ 28,2	▼ 32,6	▼ 38,1	▼ 28,0	41.806	312.355	▼ 28,2	▲ 4,3
Trung Quốc	6.060	34.212	▼ 16,5	▼ 0,4	▲ 331,6	▲ 562,2	15.353	76.272	▲ 73,3	▲ 203,0
Đức	3.157	24.045	▼ 42,1	▼ 44,3	▼ 4,9	▲ 13,3	13.064	99.493	▲ 0,9	▲ 43,4
Ấn Độ	1.409	9.309	▼ 74,0	▼ 75,6	▲ 19,1	▲ 12,8	10.095	71.008	▲ 8,0	▲ 64,3
UAE	3.542	21.440	▲ 5,1	▼ 3,7	▼ 21,8	▼ 25,6	8.392	53.862	▼ 35,2	▼ 21,3
Hà Lan	3.098	24.367	▲ 54,4	▲ 42,8	▲ 49,5	▲ 78,4	6.490	52.536	▼ 20,4	▲ 17,7
Hàn Quốc	1.708	11.252	▼ 25,4	▼ 30,2	▲ 2,2	▲ 0,0	5.810	39.511	▲ 1,7	▲ 27,2
Philippines	2.115	10.520	▲ 5,9	▼ 3,3	▲ 55,3	▲ 51,7	5.755	30.564	▼ 7,1	▲ 23,3
Anh	1.875	14.554	▼ 12,7	▼ 15,8	▲ 26,3	▲ 73,4	5.717	43.766	▲ 27,3	▲ 96,9
Thái Lan	2.340	16.985	▲ 32,7	▲ 18,0	▲ 86,0	▲ 94,4	5.507	42.625	▲ 26,2	▲ 63,8
Ai Cập	2.068	12.068	▼ 23,7	▼ 28,1	▲ 133,4	▲ 116,5	5.417	32.975	▲ 13,3	▲ 44,4
Nga	1.883	11.943	▼ 10,5	▼ 18,2	▲ 12,1	▲ 9,3	4.899	32.977	▼ 7,0	▲ 23,6
Pakistan	1.567	9.262	▼ 21,7	▼ 31,0	▲ 108,4	▲ 108,6	4.240	27.004	▼ 16,4	▲ 21,8
Thổ Nhĩ Kỳ	1.460	8.505	▼ 6,4	▼ 11,1	▲ 116,3	▲ 152,3	3.737	22.634	▼ 1,6	▲ 39,9
Nhật Bản	1.233	7.389	▲ 10,3	▲ 11,3	▲ 21,8	▲ 55,2	3.306	19.973	▲ 8,1	▲ 57,7
Ả Rập Saudi	1.228	8.072	▼ 4,9	▼ 7,0	▲ 107,8	▲ 96,3	3.068	20.591	▲ 20,0	▲ 63,6
Canada	1.180	7.855	▲ 34,7	▲ 17,0	▼ 5,6	▼ 5,8	3.041	21.738	▼ 9,0	▲ 19,9
Senegal	443	2.472	▼ 68,4	▼ 69,9	▼ 20,3	▼ 23,3	2.485	14.261	▲ 18,2	▲ 49,6
Pháp	539	3.685	▼ 16,8	▲ 1,9	▼ 61,2	▼ 60,0	2.354	12.311	▼ 39,0	▼ 36,9
Tây Ban Nha	594	4.416	▼ 15,1	▼ 17,9	▼ 22,9	▼ 13,5	2.286	17.249	▼ 15,6	▲ 19,2
Malaysia	656	4.362	▲ 15,5	▲ 6,3	▲ 34,2	▲ 41,6	1.844	13.052	▲ 21,4	▲ 63,7
Nam Phi	804	5.311	▲ 79,1	▲ 62,9	▼ 2,3	▲ 42,3	1.801	11.246	▼ 15,8	▲ 26,5
Australia	775	5.408	▲ 144,5	▲ 128,8	▲ 7,0	▲ 33,0	1.502	10.775	▼ 16,6	▲ 15,6
Ba Lan	378	2.482	▼ 28,5	▼ 31,8	▼ 54,2	▼ 50,6	1.424	9.584	▼ 36,5	▼ 15,9

Thị trường	Quý III/2025		So với quý II/2025		So với quý III/2024		9 tháng năm 2025		So với 9 tháng năm 2024	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Bi	307	2.177	▼ 40,8	▼ 44,7	▼ 17,5	▼ 5,1	1.006	7.497	▲ 13,7	▲ 57,2
Italy	374	2.560	▲ 12,7	▲ 1,4	▲ 21,8	▲ 52,5	900	6.613	▼ 37,2	▼ 1,8
Algeria	258	1.513	▲ 360,7	▲ 346,1	▲ 210,8	▲ 177,5	593	3.667	▲ 27,0	▲ 93,1
Kazakhstan	171	809	▼ 37,4	▼ 46,1	▼ 25,3	▼ 36,2	576	3.036	▲ 1,6	▲ 19,8
Singapore	133	953	▼ 60,1	▼ 59,4	▲ 4,7	▲ 6,8	544	3.889	▲ 20,4	▲ 58,8
Ukraine	123	735	▼ 30,1	▼ 37,0	▲ 339,3	▲ 304,1	450	2.946	▲ 214,7	▲ 268,2
Kuwait	78	464	▼ 71,2	▼ 75,4	▼ 32,2	▼ 31,4	398	2.705	▼ 8,7	▲ 18,8
Khác	8.824	56.394	▲ 8,3	▲ 7,7	▲ 59,1	▲ 66,8	22.643	147.120	▲ 7,8	▲ 44,1

4 Diễn biến giá

Cùng với sự phục hồi của thị trường thế giới, giá tiêu nội địa trong quý III đã tăng tổng cộng 12 – 15,6% (tương ứng 16.000 – 20.000 đồng/kg), lên mức 148.000 – 150.000 đồng/kg. Nguyên nhân chủ yếu do vụ thu hoạch đã kết thúc và lượng tồn kho tại vườn đang giảm, trong khi các nhà xuất khẩu vẫn tiếp tục mua để thực hiện các hợp đồng đã ký.

Các chuyên gia trong ngành dự báo nguồn cung hạn chế sẽ giữ giá ổn định trong ngắn hạn, đặc biệt là khi các doanh nghiệp Việt Nam giảm nhập khẩu hạt tiêu thô để chế biến tái xuất do mức thuế quan đáp trả mới của Mỹ lên tới 40% đối với hàng hóa trung chuyển.

Tuy nhiên, bước sang 20 ngày đầu tháng 10, giá tiêu đã quay đầu giảm 2 – 3,3% (3.000 – 5.000 đồng/kg), xuống còn 144.000 – 146.000 đồng/kg (Biểu đồ 11).

Biểu đồ 11: Diễn biến giá tiêu đen tại thị trường trong nước từ năm 2024 đến ngày 20/10/2025

Đơn vị: đồng/kg. Nguồn: trang Giatieu.com.



Nhu cầu xuất khẩu sang các thị trường lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và châu Âu vẫn ổn định, song tốc độ mua vào có phần chậm lại do các nhà nhập khẩu muốn chờ giá điều chỉnh thấp hơn.

Trong nước, lượng hàng tồn kho của người trồng không nhiều, nhưng sức mua tạm thời yếu do tâm lý chờ đợi. Thị trường hiện đang trong giai đoạn chững lại, khi cả bên mua và bên bán đều thăm dò diễn biến tiếp theo.

5 Dự báo

VPSA nhận định, xu hướng tăng giá hồ tiêu trên thị trường thế giới cùng sự phục hồi của nhu cầu tại các thị trường trọng điểm sẽ tiếp tục hỗ trợ xuất khẩu trong những tháng cuối năm.

Dù sản lượng có thể không tăng nhiều, nhưng giá bán cao sẽ giúp ngành hồ tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh về giá trị, hướng tới mục tiêu vượt mốc 1,5 tỷ USD trong năm 2025.

Tuy nhiên, VPSA khuyến nghị doanh nghiệp cần theo dõi sát biến động giá thế giới, đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu và đầu tư mạnh vào chế biến sâu để nâng cao giá trị xuất khẩu.

Đồng thời, việc mở rộng sang các thị trường mới nổi sẽ giúp giảm phụ thuộc vào các đối tác truyền thống, tăng khả năng chống chịu trước biến động toàn cầu và củng cố vị thế của hồ tiêu Việt Nam trên thị trường thế giới.

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Mỹ trong 9 tháng giảm, nhưng đây có thể là kết quả tạm thời trong giai đoạn thị trường điều chỉnh do chính sách thuế mới. Bởi, lợi thế thuế suất thấp hơn so với Brazil, Ấn Độ... cùng với năng lực cung ứng ổn định là cơ sở để kỳ vọng xuất khẩu hạt tiêu Việt Nam sang Mỹ sẽ phục hồi trong thời gian tới.

Mức thuế đối ứng 20% mà Mỹ áp dụng với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam nhìn chung không gây ra mối lo ngại lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam. ■

Phần III:

Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành



Số liệu của VPSA cho thấy, tính đến hết quý III năm nay, các doanh nghiệp thuộc VPSA đã xuất khẩu tổng cộng 160.660 tấn hồ tiêu các loại, giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 85,9% tỷ trọng. Còn với nhóm doanh nghiệp ngoài VPSA, xuất khẩu đạt 26.328 tấn, tăng 10% và chiếm 14,1%.

Các doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu trong 9 tháng đầu năm bao gồm: Olam đạt 18.446 tấn, giảm 10,3% và chiếm 9,9%, Nedspice Việt Nam: 15.975 tấn, tăng 5,5% và chiếm 8,5%; Phúc Sinh: 14.853 tấn, giảm 19,8% và chiếm 7,9%; Simexco Đắk Lắk: 10.618 tấn, giảm 1,4% và chiếm 5,7%; Haprosimex JSC: 10.166 tấn, giảm 32,5% và chiếm 5,4%.

Thành công của ngành hồ tiêu Việt Nam trong thời gian qua không chỉ nhờ giá thế giới tăng mà còn đến từ nỗ lực đẩy mạnh chế biến sâu và nâng cao chất lượng của doanh nghiệp. Sau thời gian dài rơi vào “vòng luẩn quẩn” được mùa mất giá, ngành đã chuyển hướng sang sản xuất sạch, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế (Organic, Rainforest, Fairtrade...), giúp tăng giá trị xuất khẩu và duy trì uy tín trên các thị trường cao cấp như Mỹ, EU, Nhật Bản.

Sự đầu tư vào quy trình sản xuất sạch từ nông hộ, liên kết vùng nguyên liệu đến chế biến và đóng gói đã giúp hồ tiêu Việt duy trì uy tín với khách hàng. Chính điều này tạo ra lợi thế cạnh tranh so với nhiều đối thủ khác, bất chấp sức ép từ các chính sách thuế quan mới của Mỹ (Bảng 3). ■

Bảng 3: TOP 30 doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2025

Nguồn:Số liệu từ VPSA.

S T T	Doanh nghiệp	Quý I/2025 (tấn)	Quý II/2025 (tấn)	Quý III/2025 (tấn)	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025 (tấn)	So với 9 tháng đầu năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2025 (%)
	Tổng	47.660	76.473	62.864	186.997	▼ 6,9	100,0
	VPSA	42.348	63.868	54.453	160.669	▼ 9,2	85,9
	Non-VPSA	5.312	12.605	8.411	26.328	▲ 10,0	14,1
1	Olam Việt Nam	5.109	7.279	6.058	18.446	▼ 10,3	9,9
2	Nedspice Việt Nam	4.923	5.681	5.371	15.975	▲ 5,5	8,5
3	Phúc Sinh	3.974	6.258	4.621	14.853	▼ 19,8	7,9
4	Simexco Đắk Lắk	2.446	3.962	4.210	10.618	▼ 1,4	5,7
5	Haprosimex JSC	2.480	3.980	3.706	10.166	▼ 32,5	5,4
6	Pearl Group	2.606	4.018	2.486	9.110	▼ 27,9	4,9
7	DK Commodity	2.351	2.413	1.666	6.430	▲ 24,1	3,4
8	Harris Spice	1.634	2.503	2.051	6.188	▼ 3,3	3,3
9	Gia vị Sơn Hà	1.682	2.217	1.949	5.848	▼ 14,5	3,1
10	Ptexim Corp	1.588	1.362	1.708	4.658	▼ 5,1	2,5
11	Intimex Group	893	1.683	1.950	4.526	▼ 1,9	2,4
12	Synthite Việt Nam	908	2.281	780	3.969	▲ 43,2	2,1
13	Hoàng Gia Luân	310	2.120	1.495	3.925	▼ 12,4	2,1

Phần III. Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành

S T T	Doanh nghiệp	Quý I/2025 (tấn)	Quý II/2025 (tấn)	Quý III/2025 (tấn)	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025 (tấn)	So với 9 tháng đầu năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2025 (%)
14	Prosi Thăng Long	1.175	2.308	285	3.768	▼ 18,4	2,0
15	Expo Commodities	730	1.276	1.505	3.511	▲ 14,4	1,9
16	Liên Thành	1.190	1.231	1.089	3.510	▼ 67,4	1,9
17	Sinh Lộc Phát	894	1.156	1.092	3.142	▼ 13,0	1,7
18	Phúc Lợi	596	1.435	938	2.969	▲ 38,5	1,6
19	Saigon Spices	537	817	1.011	2.365	▲ 182,2	1,3
20	Ân Nga		1.472	859	2.331	▲ 7.184,4	1,2
21	Ottogi Việt Nam	768	912	528	2.208	▼ 6,1	1,2
22	Pitco	478	816	901	2.195	▼ 10,3	1,2
23	TM Anh Vũ		1.150	921	2.071	▲ 3.135,9	1,1
24	Phong Hằng	516	850	697	2.063	▲ 17,3	1,1
25	Generalexim	321	556	1.004	1.881	▲ 168,3	1,0
26	Nhật Quang	840	657	180	1.677	▲ 115,0	0,9
27	MKPRO	446	803	396	1.645	▲ 83,8	0,9
28	Hoàng Kim Ngân	32	832	640	1.504		0,8
29	KSS Việt Nam	451	528	461	1.440	▼ 0,3	0,8
30	XNK Diệu Phú		800	608	1.408	▲ 1.382,1	0,8
	Khác	7.782	13.117	11.698	32.597	▼ 12,9	17,4

Phần IV:

Sự kiện nổi bật trong ngành hồ tiêu



Ách tắc hoàn thuế VAT: Doanh nghiệp hồ tiêu, cà phê kêu cứu vì ‘chôn’ vốn nghìn tỷ

Theo Vietnamfinance, phát biểu tại Hội thảo Tháo gỡ vướng mắc về chính sách Thuế Giá trị gia tăng ngành nông, lâm, thủy sản ngày 9/10, ông Nguyễn Tấn Hiên - Phó Chủ tịch Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA) chia sẻ: “Từ trước đến nay, việc hoàn thuế gặp muôn vàn khó khăn do thủ tục và quy trình phức tạp, kéo dài nhiều tháng, thậm chí hàng năm, khiến doanh nghiệp chưa lấy lại được số tiền để quay vòng vốn và chuẩn bị đơn hàng xuất khẩu. Với ngành hồ tiêu và nhiều loại gia vị, 95% sản lượng sản xuất trong nước để phục vụ xuất khẩu; tiêu thụ nội địa chiếm tỷ lệ rất nhỏ”.

Thực tế, trong hệ thống hiện tại, doanh nghiệp thường phải thu mua nguyên liệu thô trực tiếp từ nông dân hoặc qua thương lái, nghĩa là phần lớn chi phí đầu vào đã phát sinh trước khi doanh nghiệp có thể khai báo, kê khai và được hoàn thuế GTGT.

Mức thuế 5% áp vào nguyên liệu thô tương đương một khoản tiền lớn phải ứng trước; với kim ngạch xuất khẩu của ngành hồ tiêu và gia vị ước đạt khoảng 1,7 tỷ USD/năm, hiệp hội ước tính số thuế phải ứng trước lên tới hơn 2.100 tỷ đồng. Đây là nguồn vốn lẽ ra có thể dùng cho sản xuất, nâng cấp nhà máy hoặc mở rộng thị trường.

Vấn đề càng trầm trọng hơn khi Luật GTGT mới giới hạn mức thuế được hoàn không vượt quá 10% doanh thu xuất khẩu của kỳ tính thuế.

Theo ông Nguyễn Tấn Hiên, đối với ngành mang tính mùa vụ cao như hồ tiêu, cà phê, doanh nghiệp thường thu mua tập trung trong một hoặc vài tháng, nhưng xuất khẩu diễn ra phân bố theo hợp đồng và đơn hàng.

Sự lệch pha này dẫn đến tình trạng nhiều khoản thuế đầu vào không được hoàn kịp thời, khiến doanh nghiệp bị kẹt vốn dài hạn. Bên cạnh đó, việc chứng minh nguồn gốc hợp pháp của nguyên liệu khi mua từ nông dân (những đối tượng thường không xuất hóa đơn GTGT) là một rào cản lớn trong khâu khấu trừ, đồng thời ảnh hưởng tới giấy tờ chứng nhận xuất xứ (C/O) phục vụ xuất khẩu.

Thực tế thủ tục hoàn thuế còn xuất hiện nhiều điểm nghẽn: hồ sơ phức tạp, yêu cầu quản lý chặt chẽ nhưng thiếu chuẩn hóa dữ liệu giữa cơ quan thuế địa phương và trung ương, thời hạn xử lý chưa được quy định rõ ràng. Doanh nghiệp, nhất là các công ty vừa và nhỏ, do đó phải “nộp trước, chờ sau” trong một chu kỳ vốn kéo dài, làm giảm khả năng tiếp cận tín dụng và tăng chi phí tài chính.

Trên cơ sở đó, Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị cùng Hiệp hội Cà phê – Ca cao đã chính thức kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính xem xét tiếp tục áp dụng mức thuế GTGT 0% cho nguyên liệu thô thu mua trong nước dùng để xuất khẩu, đồng thời không áp dụng với sản phẩm đã qua chế biến sâu.

Các hiệp hội đề xuất song song là cải cách quy trình hoàn thuế: đơn giản hóa thủ tục, xác định thời hạn xử lý rõ ràng, đồng bộ dữ liệu giữa các địa phương và cơ quan thuế, cũng như cơ chế hỗ trợ tạm ứng tín dụng cho doanh nghiệp bị giam vốn khi chờ hoàn thuế. ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Cục Hải quan Việt Nam
Bộ Công Thương
Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA)
Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC)
Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil (Comex Stat)
Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC)
Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Nedspice Group
Khmer Times
Thehindubusinessline

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường hồ tiêu quý III/2025” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường hồ tiêu quý II/2025
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 7/2025
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 8/2025

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội

Hotline: 0938.1892224

Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP